LESSON 11

WH-QUESTIONS (CÂU HỎI WH)



Let's Learn!

Types of WH questions (Các loại câu có từ để hỏi)	
Câu hỏi bổ ngữ: **S + be (chia) + <u>danh từ/tính từ/giới từ</u>.** **WH + be (chia) + S?**	*It's <u>on the table</u>.* Where is it?
Câu hỏi chủ ngữ: **S + V (chia) + O + C.** **WH + V(chia ngôi số ít) + O + C.**	*<u>Kim</u> ate this cake.* *Who ate this cake?*
Câu hỏi tân ngữ (động từ/tân ngữ/trạng ngữ): **S + V (chia) + O + C.** **WH + trợ động từ + S + V (+ O + C)?**	*She is <u>cooking</u>.* *What is she doing?*

WH words (Các từ để hỏi WH)		
WHO	Ai? (Chủ ngữ/tân ngữ)	*Who is he?*
WHOM	Ai? (tân ngữ)	*Whom do you like?*

LIVEWORKSHEETS

WHAT	Cái gì? (chủ ngữ/tân ngữ)	*What are they?*
WHICH	Cái nào?	*Which do you like, cream or butter?*
WHERE	Ở đâu?	*Where will you go?*
WHEN	Khi nào?	*When did you leave?*
HOW	Như thế nào? (tính từ) Cách thức? (trạng từ) Phương tiện	*How are you?* *How do you go to school?*
WHOSE + N	Của ai?	*Whose book is this?*
WHY	Tại sao?	*Why don't you go?*
WHAT/WHICH + N	Hỏi cụ thể danh từ	*What colour do you like?*
HOW + ADJ/ADV	Hỏi cụ thể tính từ/ trạng từ	*How big is it?*
HOW MANY + Ns/es	Hỏi số lượng (đếm được)	*How many books are there?*
HOW MUCH + N không đếm được **HOW MUCH = WHAT'S THE PRICE OF**	Hỏi số lượng (không đếm được) Hỏi giá tiền	*How much beef do you like?* *How much does it cost?*
HOW OLD	Hỏi tuổi	*How old is she?*
HOW LONG **HOW LONG = WHAT IS THE LENGTH**	Hỏi thời gian bao lâu Hỏi chiều dài	*How long does it take you?* *How long is the ruler?*

LIVEWORKSHEETS

HOW OFTEN	Hỏi tần suất	*How often do you dine out?*
HOW FAST	Hỏi tốc độ	*How fast did you drive?*
HOW FAR	Hỏi khoảng cách	*How far is it?*
HOW TALL/HIGH = WHAT IS THE HEIGHT	Hỏi chiều cao/độ cao	*How tall are you?*

How to make a WH question (Cách đặt câu có từ để hỏi)

Xác định nội dung được hỏi → thay bằng từ / cụm từ hỏi phù hợp.

Lưu ý: *Từ / cụm từ bị gạch chân không bao giờ xuất hiện trong câu hỏi.*

- Nếu trong câu:

  Dùng động từ thường (V) thì ta phải mượn trợ động từ (do/does/did) và đảo trợ động từ lên trước chủ ngữ, đứng sau từ để hỏi WH.

- Nếu trong câu dùng *"động từ to be" (is / am / are / was / were), trợ động từ have / has / had, hoặc "động từ khuyết thiếu" (will / would / can / could / may / might / shall / should / must / ought)* → đảo chính nó lên trước chủ ngữ.

- Nếu trong câu có các đại từ được gạch chân thì đổi ngôi như sau:

I, we	→	you
me, us	→	you
mine, ours	→	yours
my, our	→	your
some	→	any

LIVEWORKSHEETS

Let's Practice

Exercise 1. Match each question word with its correct usage. *(Nối từ để hỏi với cách sử dụng tương ứng.)*

1	Who	A. Ask about quantity (countable)
2	What	B. Ask for a reason or a cause
3	Which	C. Ask about time
4	Where	D. Ask about frequency
5	When	E. Ask about person
6	How	F. Ask about possession
7	Why	G. Ask about choice
8	Whose	H. Ask for a way, a manner or a form
9	How many	I. Ask for the location
10	How often	J. Ask about a thing

Exercise 2. Underline the correct WH question words. *(Gạch chân từ để hỏi phù hợp.)*

1. ***What / Which*** are you talking about?
2. ***Which / Who*** character do you prefer, Snow White or her stepmother?

LIVEWORKSHEETS

3 ***What / Which*** food do you like?

4 ***How / What*** are you going to do tonight?

5 ***Where / When*** is the fair organised? – Near my house.

6 ***How long / How often*** did that race last?

7 ***What / How*** does she go to work every morning? – By car.

8 ***Why / What*** don't you like watching cartoons?

9 ***How much / How many*** times have you been to Nha Trang?

10 ***What time / When*** did you last visit your parents? – Last Friday.

Exercise 3. Choose the correct answers. *(Chọn đáp án đúng.)*

1 _____ hours a day do you spend learning vocabulary? – One hour.

A. How much B. How

C. What time D. How many

2 _____ do you like cooking? – Because I find it interesting.

A. What B. Why C. How D. Which

3 _____ days a week do you have Literature classes? – 4 days a week.

A. What B. When

C. How many D. How often

LIVEWORKSHEETS

4 _____ does your father watch TV every day? – In the morning.



A. What time B. When

C. How long D. Where

5 _____ high is that oak tree?



A. How many B. What

C. Where D. How

6 _____ books are those? – They are mine.

A. Who B. What C. Whose D. How

7 _____ is your telephone number?

A. Who B. What C. Where D. How

8 _____ helped you with your homework? – My sister did.

A. Who B. What C. Whom D. Whose

9 _____ are his children playing badminton? – In the playground.

A. What B. Where C. When D. How

10 _____ should children watch educational programmes? – Because they're useful.

A. What B. How C. Why D. Which

LIVEWORKSHEETS

Exercise 4. Underline the correct answer. *(Gạch chân đáp án đúng.)*



1. **When / What** day is it today?
2. **How / What** do you go to school?
3. **Whom / Who** is your best friend?
4. **How much / How many** coffee does your father drink a day?



5. **Whose / Who** bike is this?
6. **How / What** is the length of this rope?
7. **Which / What** do you prefer, chicken or beef?
8. **When / How** often does she go to the music club?
9. **When / What** time do you get up?
10. **How / Why** are you today?

Exercise 5. Complete the sentences with the correct WH word. *(Hoàn thành các câu sau sử dụng từ để hỏi WH phù hợp.)*

How	Why	Who	When	How deep
How long	How much	How many	Where	What time

1. _____ are you so tired today? – Because I've been running for an hour.
2. _____ does the movie end? – At 10 p.m.

LIVEWORKSHEETS

3 _____ are you going? – To my teacher's house.

4 _____ do you have Maths? – On Wednesdays and Fridays.

5 _____ does this shirt cost? – About $75.

6 _____ did they travel to Singapore? – By plane.

7 _____ siblings do you have? – I have two.

8 _____ is that girl? – My sister.

9 _____ does it take you to clean the house? – For an hour.

10 _____ is the Red River? – About 6 metres.

Exercise 6. Underline the correct auxiliary verb to complete the questions. *(Gạch chân trợ động từ phù hợp để hoàn thành các câu hỏi.)*

1 How many students (are / does / has) there in your classroom?

2 What (does / has / is) the price of this bag?

3 When (were / did / do) you get home yesterday?

4 What (is / does / has) his sister look like? – She is tall and slim.

5 What (has / can / is) she do?
– She can sing very beautifully.



6 Who (is / do / will) go to school with you tomorrow morning?

WH-QUESTIONS

LIVEWORKSHEETS

7 How often (are / have / do) they go to the library?

8 Where (has / is / does) she been recently?

9 (Do / Are / Have) these your jeans?

10 What (is / has / does) your mother do?

Exercise 7. Match the questions to their answers. *(Nối câu hỏi và câu trả lời.)*

1	Who is your favourite actress?	A. It's on at 9 p.m
2	Which floor is your class on?	B. He watched TV for 2 hours.
3	Who do you think is the most famous cartoon character of all time?	C. Every weekend.
4	What time is the "Lightning Quiz" on?	D. It's hot in summer and cold in winter.
5	Why do children like "Tom and Jerry"?	E. In 1926
6	How far is the new shopping mall?	F. It's about 1 kilometre.
7	How often do you watch "The Debaters"?	G. It's on the third floor.
8	When did John Logie Baird create the first television?	H. I think it's the cat "Tom".

LIVEWORKSHEETS

9	How many hours did Tom watch TV yesterday morning?	I. I like Kristen Stewart best.
10	What is the weather like in your country?	J. Because it's interesting.

Your answers:

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10.

Exercise 8. Choose the correct answers. *(Chọn đáp án đúng.)*

1 _____ does Nick come from? – Poland.

A. What B. Which C. Where D. Who

2 _____ lemonade would you like?



A. How many B. How much

C. How D. When

3 _____ is she crying? – Because she's lost her watch.

A. Who B. What C. Which D. Why

4 _____ hat is this? – It's Van's.

A. Who B. What C. Whose D. Which

5 _____ were you doing while I was cooking in the kitchen?

A. What B. Which C. Where D. Why

6 _____ have you owned that motorbike? – For two weeks.



A. How far B. How long

C. How many D. How often

LIVEWORKSHEETS

7 _____ will she pick you up? – At 5 p.m.

A. Where B. What
C. How often D. What time

8 _____ do you usually share things with?

A. What B. Who C. Which D. Whose

9 _____ is she wearing? – She's wearing a pink dress.

A. Which B. How C. What D. When

10 _____ wide is the road?

A. What B. Which C. Why D. How

Exercise 9. Write the questions to the underlined words. *(Đặt câu hỏi cho phần được gạch chân.)*

1 My brother will be <u>ten</u> next Thursday.



_____

2 <u>Alan's</u> car is the most expensive in the garage.



_____

3 <u>My parents</u> are roasting a turkey in the garden.



_____

LIVEWORKSHEETS

4 They went to the festival **by train** last week.



5 Emma lives **in Hue city**.



6 They **were playing chess** when their father came in.



7 This washing machine cost **$500**.



8 Judy often plays with her dolls **in the bedroom**.



9 You should **drink some warm water**.



10 I have learned English **for over ten years**.



LIVEWORKSHEETS

Exercise 10. Find and correct the mistakes. *(Tìm và sửa lỗi sai.)*

1. Who shirt is that? – It's mine. _____
2. When do you go cycling? – Every weekend. _____
3. Why you like watching sports? _____
4. How does the main character look like? _____
5. When did you stay last week? _____
6. What you did to help the victim of the accident? _____
7. Who help your mom to cook dinner every day? _____
8. Whose did you go to the cinema with? _____
9. How many money did you pay for this book? _____
10. How is the depth of the well? _____

LIVEWORKSHEETS